

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TS
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26/8/2022

V/v: “Tranh chấp về hôn nhân
và gia đình - Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TS, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Quý

2. Bà Lê Hiếu Xuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TS tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lam Em – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TS xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 289/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 221/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 186/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Phạm Thúy D, sinh năm 1976 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp NS, thị trấn NS1, huyện TS, tỉnh An Giang.

* Bị đơn: Anh Tô Thanh H, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp NS, thị trấn NS1, huyện TS, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thúy D trình bày:*

Chị và anh Tô Thanh H do mai mối tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2000, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn NS1, huyện TS, tỉnh An Giang ngày 07/6/2000. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, có 03 con chung. Nhưng đến năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân anh H không có trách nhiệm với gia đình, đi làm không đưa tiền phụ nuôi con, thường xuyên rượu chè, khi say xỉn chửi mắng vợ con và còn đánh chị. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 02 năm 2019 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn và kéo dài nên chị yêu cầu được ly hôn anh Tô Thanh H.

- *Về quan hệ con chung:* Có 03 con chung tên Tô Thị D1 sinh ngày 31/3/2001, Tô Thị Thanh D2 sinh ngày 18/6/2004 (đã thành niên) và Tô Thanh H1 sinh ngày 04/5/2010. Sau khi ly hôn, chị D đồng ý giao con chung Tô Thanh H1 cho anh H nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về quan hệ tài sản:*

+ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

** Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Tô Thanh H trình bày:*

Anh thống nhất với trình bày của chị Phạm Thúy D về hôn nhân do mai mối và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2000, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn NS1, huyện TS, tỉnh An Giang ngày 07/6/2000. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống rất hạnh phúc và có 03 con chung. Đến năm 2017 thì vợ chồng lên Bình Dương làm được khoảng hơn 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân về chuyện tiền bạc trong gia đình. Nay chị D yêu cầu ly hôn thì anh không có ý kiến, chị D muốn làm gì thì làm.

- *Về quan hệ con chung:* Có 03 con chung tên Tô Thị D1 sinh ngày 31/3/2001, Tô Thị Thanh D2 sinh ngày 18/6/2004 (đã thành niên) và Tô Thanh H1 sinh ngày 04/5/2010. Trường hợp ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi con chung Tô Thanh H1, không yêu cầu cấp dưỡng.

- *Về quan hệ tài sản:*

+ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

* *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:* Việc Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết là đúng theo trình tự thủ tục và thẩm quyền, trong quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án cũng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về nội dung: Căn cứ theo các quy định của pháp luật, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thúy D.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thúy D được ly hôn anh Tô Thanh H.
- Về con chung: Giao con chung tên Tô Thanh H1 sinh ngày 04/5/2010 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, chị D không phải cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét.
- Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, bị đơn anh Tô Thanh H có địa chỉ tại ấp NS, thị trấn NS1, huyện TS, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TS theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Tô Thanh H đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Tô Thanh H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thúy D và anh Tô Thanh H do mai mối và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2000, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn NS1, huyện TS, tỉnh An Giang ngày 07/6/2000. Vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thúy D, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị D và anh H sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc và có 03 con chung tên Tô Thị D1 sinh ngày 31/3/2001, Tô Thị Thanh D2 sinh ngày 18/6/2004 (đã thành niên) và Tô Thanh H1 sinh ngày 04/5/2010. Nhưng đến năm 2018 vợ chồng phát sinh

mâu thuẫn nguyên nhân anh H không có trách nhiệm với gia đình, đi làm không đưa tiền phụ nuôi con, thường xuyên rượu chè, khi say xỉn chửi vợ con và còn đánh chị. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 02 năm 2019 cho đến nay. Về phía anh H thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng về chuyện tiền bạc trong gia đình, tuy nhiên chị D yêu cầu ly hôn thì anh không có ý kiến. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để tạo điều kiện cho chị D và anh H hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng chị D vẫn kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H vì tình cảm vợ chồng đã không còn, cuộc sống hôn nhân từ lâu đã không còn hạnh phúc, ly thân cũng đã lâu.

Từ những nhận định, phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có đủ căn cứ để áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thúy D.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị D và anh H có 03 con chung tên Tô Thị D1 sinh ngày 31/3/2001, Tô Thị Thanh D2 sinh ngày 18/6/2004 (đã thành niên) và Tô Thanh H1 sinh ngày 04/5/2010. Sau khi ly hôn chị D đồng ý giao con chung tên Tô Thanh H1 cho anh H nuôi dưỡng, chị D không cấp dưỡng. Mặt khác, nguyện vọng của cháu H1 cũng muốn được sống với anh H khi cha mẹ ly hôn. Do vậy, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và ổn định cuộc sống của cháu H1, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu H1 cho anh H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục nhưng anh H phải tạo điều kiện cho chị D đến thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Lẽ ra, chị D không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng chị D không tự nguyện cấp dưỡng và anh H cũng không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Tuy nhiên, khi có điều kiện và tình hình thời gian thay đổi thì các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về quan hệ tài sản:

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Do chị Phạm Thúy D yêu cầu giải quyết ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thúy D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thúy D được ly hôn anh Tô Thanh H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 22KH Quyền số 01/2000 ngày 07 tháng 6 năm 2000 của Ủy ban nhân dân thị trấn NS1, huyện TS, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung:

Giao con chung tên Tô Thanh H1 sinh ngày 04/5/2010 cho Tô Thanh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

Chị Phạm Thúy D không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được ngăn cản.

Anh Tô Thanh H phải tạo điều kiện cho chị Phạm Thúy D được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản:

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Ghi nhận chị Phạm Thúy D và anh Tô Thanh H không có nợ chung, nhưng sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh, chị trong thời kỳ sống chung thì chị Phạm Thúy D và anh Tô Thanh H vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách là đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

4. Về án phí: Chị Phạm Thúy D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009216 ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TS, tỉnh An Giang.

5. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện TS;
- Chi cục THADS huyện TS;
- UBND TT. NS1, huyện TS, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Minh Tâm